

Số: /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính trọng tâm
giai đoạn 2026 - 2030

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 3183/QĐ-UBND ngày 09 tháng 09 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Chương trình cải cách hành chính tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Văn bản số 2834/SNV-CCHC&VTTLT ngày 25 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; các cơ quan ngành dọc trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Sở Nội vụ có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai, thực hiện Kế hoạch và tổng hợp những khó khăn, vướng mắc phát sinh của các sở, ban, ngành, địa phương, kịp thời báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Vụ Cải cách hành chính - Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Thường trực UB MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh, Kho bạc nhà nước khu vực XVII, Thuế tỉnh, Chi cục Hải quan khu vực XVIII, Công an tỉnh; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 2;
- Bưu điện tỉnh, VNPT Đồng Nai;
- Chánh, Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCC, THNC, HCTC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Trường Sơn

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

a) Tiếp tục quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021- 2030 trên địa bàn tỉnh, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính theo chỉ đạo của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ.

b) Kịp thời khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai công tác cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025 của các sở, ban, ngành và địa phương trong tỉnh; tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, điều hành của cơ quan hành chính nhà nước theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả.

c) Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp, góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai đến năm 2030.

2. Một số chỉ tiêu cụ thể

- Giai đoạn 2026 - 2027:

+ Kịp thời tổ chức và hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước, bảo đảm bộ máy chính quyền địa phương được tổ chức thống nhất, đồng bộ, ổn định; hoạt động thông suốt, liên tục, hiệu lực và hiệu quả.

+ Thực hiện nghiêm các chủ trương, chính sách về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm kịp thời, đúng quy định và phù hợp với định hướng của Đảng và Nhà nước.

+ Hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập, trường học, cơ

sở y tế và doanh nghiệp nhà nước theo quy định.

- + Sử dụng 100% các nền tảng số quốc gia đã được triển khai và yêu cầu áp dụng tại địa phương.

- + 100% sở, ban, ngành và địa phương đạt cấp độ 3 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu theo lộ trình và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- + 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- + Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%.

- + Tối thiểu 95% người dân, doanh nghiệp hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- *Giai đoạn 2028 - 2030:*

- + Tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh bảo đảm công bằng, thống nhất, công khai, minh bạch và hiệu quả.

- + Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng và cơ cấu hợp lý; đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

- + Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 95%; trong đó mức độ hài lòng đối với các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 90%.

- + Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt tối thiểu 90%.

- + Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt tối thiểu 80%.

- + Phân đấu 100% sở, ban, ngành và địa phương đạt cấp độ 4 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu theo lộ trình và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- + 100% cơ quan nhà nước có dữ liệu thuộc danh mục công khai thực hiện cung cấp dữ liệu mở theo quy định.

- + Phân đấu duy trì và nâng cao thứ hạng của tỉnh trong nhóm dẫn đầu cả nước về DTI và PAR Index.

- + Mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) đạt tối thiểu 95%; mức độ hài lòng của người dân đối với việc cung cấp dịch vụ công, đặc biệt trong các lĩnh vực y tế, giáo dục công

lập, đạt tối thiểu 90%.

(Các cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu tại Phụ lục I kèm theo).

3. Yêu cầu

a) Cải cách hành chính phải được xác định là nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai. Việc triển khai cải cách hành chính phải xuất phát từ lợi ích, nhu cầu của người dân và doanh nghiệp; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ và lấy mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo đánh giá chất lượng hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Các sở, ban, ngành và địa phương cần nêu cao tinh thần trách nhiệm, quyết tâm cao, hành động quyết liệt trong tổ chức thực hiện.

b) Kế hoạch cải cách hành chính phải được triển khai đồng bộ, thống nhất từ tỉnh đến cơ sở; bảo đảm thực chất, hiệu quả, có kiểm tra, giám sát thường xuyên; tránh tình trạng triển khai hình thức, manh mún hoặc cục bộ giữa các cơ quan, đơn vị.

c) Trong quá trình thực hiện cần kế thừa và phát huy các mô hình, kinh nghiệm hiệu quả trong cải cách hành chính; đồng thời chủ động nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc các mô hình quản trị hiện đại, quản lý dựa trên dữ liệu và chuyển đổi số nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

d) Gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương với kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính; lấy kết quả cải cách hành chính làm một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Cải cách thể chế

a) Tiếp tục đột phá trong hoàn thiện thể chế trên địa bàn tỉnh, giải phóng mọi nguồn lực cho phát triển; coi đây là *“đột phá của đột phá”*, lợi thế cạnh tranh của tỉnh.

Tổ chức triển khai, cụ thể hóa và thực hiện hiệu quả hệ thống pháp luật về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trên địa bàn tỉnh; rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền, tạo môi trường pháp lý thuận lợi, thông thoáng, minh bạch, an toàn, chi phí tuân thủ thấp; thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh ổn định.

b) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh về sở hữu và phát triển các thành phần kinh tế, bảo đảm thực chất quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu tài sản và quyền tự do hợp đồng, sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát, tham mưu hoàn thiện và tổ chức thực hiện hiệu quả các quy định pháp luật; kịp thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế; triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế nhà nước, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý; áp dụng công nghệ tiên tiến, mô hình quản trị hiện đại theo quy định.

- Xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh phù hợp định hướng, quy định của Trung ương.

c) Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực và hiệu quả; gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

d) Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của tỉnh theo hướng khoa học, hiện đại, chuyên nghiệp; tăng cường tham vấn ý kiến chuyên gia, tổ chức và người dân, bảo đảm văn bản minh bạch, nhất quán, ổn định và có tính dự báo cao.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định thủ tục hành chính trong quá trình xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, nhất là các thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp, bảo đảm thủ tục hành chính mới ban hành phải thực sự cần thiết và đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện.

b) Đẩy mạnh thực hiện rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính gắn với sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và dựa trên dữ liệu.

- Tiếp tục rà soát, đề xuất loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức; loại bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý; tích hợp, cắt giảm mạnh các mẫu đơn, tờ khai, thành phần hồ sơ yêu cầu chứng thực và các giấy tờ không cần thiết hoặc có nội dung thông tin trùng lặp trên cơ sở khai thác, sử dụng có hiệu quả các dữ liệu có sẵn trên các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- Tập trung sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy định pháp luật để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động

sản xuất kinh doanh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tháo gỡ các rào cản về thủ tục để tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân và kinh tế nhà nước theo Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025; Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị và các nghị quyết khác liên quan đến đầu tư, kinh doanh.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

- Đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước: Thường xuyên rà soát, công bố kịp thời, đầy đủ các thủ tục hành chính nội bộ; tổ chức thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính theo đúng lộ trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tái cấu trúc quy trình thủ tục, tăng kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành và nâng cao năng suất lao động trong các cơ quan hành chính nhà nước.

- c) Đổi mới toàn diện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, công bố, công khai kịp thời, đầy đủ các thủ tục hành chính theo quy định.

- Đẩy mạnh thực hiện giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên cơ sở rà soát, tăng cường tái cấu trúc quy trình, khai thác có hiệu quả các dữ liệu đã được số hóa và các biểu mẫu điện tử tương tác để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Xây dựng, nâng cấp và vận hành có hiệu quả hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo mô hình tập trung, tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, dễ thực hiện, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí và tránh đầu tư trùng lặp.

- Hoàn thiện quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với các thủ tục hành chính; tiếp tục triển khai có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định của Chính phủ.

- Tăng cường kiểm tra trách nhiệm thực hiện công vụ của công chức, viên chức trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- a) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của các sở, ban ngành, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, rõ ràng, không chồng

chéo về chức năng, nhiệm vụ trên cơ sở cụ thể hoá các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Rà soát, sắp xếp tinh gọn các đầu mối tổ chức bên trong của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, bảo đảm tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

b) Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách để đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi kèm với cơ chế kiểm soát quyền lực, xoá cơ chế "xin - cho", tăng trách nhiệm người đứng đầu, bảo đảm việc thực thi hiệu quả.

c) Đẩy mạnh rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách quản lý nhà nước để nâng cao hiệu lực, hiệu quả vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, trọng tâm vào các lĩnh vực: Tài chính - Ngân sách, đất đai, quy hoạch, tổ chức bộ máy, cán bộ, chuyển đổi số, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo.

d) Rà soát, nghiên cứu, đề xuất ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật để thực hiện sắp xếp các đơn vị sự nghiệp, trường học, cơ sở y tế, doanh nghiệp nhà nước.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy định pháp luật để tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả Luật Cán bộ, công chức năm 2025 và Luật Viên chức năm 2025.

b) Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật để triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế đặc biệt trong tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đãi ngộ cán bộ, công chức, viên chức theo Kết luận số 205-KL/TW ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá trong tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đãi ngộ cán bộ. Xây dựng cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức và nhân tài của tỉnh; kết nối, đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia khi được triển khai; có cơ chế theo dõi, đánh giá, sàng lọc thường xuyên, công khai, minh bạch.

c) Rà soát, xây dựng và hoàn thiện vị trí việc làm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, tổ chức làm cơ sở cho việc tuyển dụng, bổ nhiệm, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức.

d) Cải cách chế độ tiền lương, tiền thưởng và đa dạng chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, công chức, viên chức.

đ) Đổi mới chương trình, tài liệu, phương pháp bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức từ tiếp cận theo nội dung sang tiếp cận theo vị trí việc làm và khung năng lực của vị trí việc làm.

e) Tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, trách nhiệm giải trình và

phòng, chống tham nhũng trong hoạt động công vụ.

5. Cải cách tài chính công

a) Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất, hoàn thiện cơ chế tài chính, bảo đảm phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước và các luật có liên quan.

b) Tổ chức triển khai có hiệu quả quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước.

c) Tập trung hoàn thiện thể chế về đổi mới cơ chế tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập, gắn với lộ trình đổi mới tổ chức và hoạt động đơn vị sự nghiệp công; đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường; chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện sang mô hình tự chủ hoàn toàn cả về chi đầu tư, chi thường xuyên.

d) Tổ chức triển khai có hiệu quả các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công đã được Chính phủ quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025, Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 và các quy định có liên quan; nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng tài sản công, góp phần phòng, chống thất thoát, lãng phí. Tiếp tục thực hiện việc rà soát, bố trí, sắp xếp, xử lý trụ sở, nhà, đất và tài sản công sau sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính theo lộ trình, bảo đảm đúng quy định, phù hợp với quy hoạch, nhu cầu sử dụng và tình hình thực tế của địa phương, phát huy hiệu quả nguồn lực tài sản công.

6. Xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý.

- Sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để tổ chức thi hành có hiệu quả Luật Chuyển đổi số, Luật Trí tuệ nhân tạo, Luật An ninh mạng và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

- Xây dựng, cập nhật Khung kiến trúc số của tỉnh phù hợp với yêu cầu phát triển Chính quyền số và Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.

- Xây dựng, cập nhật danh mục các nền tảng số dùng chung theo ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh.

- Ban hành hướng dẫn lựa chọn, triển khai và tích hợp trợ lý ảo vào các nền tảng điều hành, tác nghiệp của tỉnh.

b) Phát triển dữ liệu số, ứng dụng, nền tảng số và hạ tầng phục vụ cho phát triển Chính quyền số

- Xây dựng, nâng cấp, đưa vào khai thác sử dụng có hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các cơ sở dữ liệu dùng chung, bảo đảm dữ liệu “*đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung*”.

- Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai. Hoàn thiện việc đo đạc, thống kê, số hóa, làm sạch hệ thống dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh, kết nối, chia sẻ liên thông với các hệ thống dữ liệu khác.

- Phát triển các ứng dụng, nền tảng số quy mô cấp tỉnh và quy mô quốc gia, giúp nâng cao hiệu quả quản trị, chỉ đạo, điều hành trong hoạt động quản lý nhà nước: Trục liên thông văn bản; Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc; Hệ thống thông tin báo cáo...

- Hoàn thiện các nền tảng, tiện ích cốt lõi quy định tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, bảo đảm mọi người dân, doanh nghiệp được thụ hưởng dịch vụ số thuận tiện, nhanh chóng, an toàn, không còn rào cản về giấy tờ, thủ tục hay địa giới hành chính.

- Tiếp tục nghiên cứu, ban hành và tổ chức triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Triển khai có hiệu quả Đề án “*Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030*” trên địa bàn tỉnh.

(Các nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục II kèm theo)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường

- Trên cơ sở nội dung, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan liên quan cụ thể hóa thành các nhiệm vụ trong kế hoạch cải cách hành chính hằng năm để triển khai thực hiện phù hợp yêu cầu thực tế của các sở, ban, ngành, địa phương; định kỳ báo cáo sơ kết, tổng kết, báo cáo theo hướng dẫn của Sở Nội vụ.

- Chủ động chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính được phân công, bảo đảm chất lượng, tiến độ đề ra theo kế hoạch cải cách hành chính hằng năm của sở, ban,

ngành, địa phương.

- Ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính để triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính. Đổi mới phương pháp theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; sử dụng kết quả Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước để đánh giá, đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả chỉ đạo điều hành cải cách hành chính tại các sở, ban, ngành, địa phương. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp và xã hội.

- Các sở, ban, ngành tăng cường phối hợp, đôn đốc địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, chủ động báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh các khó khăn và đề xuất các giải pháp, biện pháp tháo gỡ hạn chế, vướng mắc phát sinh để xóa bỏ các rào cản, giúp nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trọng tâm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở, ban, ngành.

2. Sở Nội vụ

Là cơ quan thường trực cải cách hành chính của UBND tỉnh, giúp UBND tỉnh triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030, có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, đánh giá, kiểm tra các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030 bảo đảm chất lượng, hiệu quả và tiến độ theo quy định.

- Tổng hợp, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch theo quy định. Nghiên cứu, đề xuất với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giải pháp xử lý những khó khăn, vướng mắc của các sở, ban, ngành, địa phương trong quá trình thực hiện. Tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch.

- Chủ trì triển khai các nội dung cải cách tổ chức bộ máy, cải cách chế độ công vụ.

- Chủ trì triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính của sở, ban, ngành và UBND các xã, phường; phối hợp triển khai Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước theo yêu cầu của Bộ Nội vụ.

- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức chuyên trách thực hiện công tác cải cách hành chính ở sở, ban, ngành và UBND các xã, phường.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương đẩy mạnh triển khai công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính.

- Phối hợp với Sở Tài chính đề lập, thẩm định và trình cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí hoạt động triển khai các đề án, dự án, nhiệm vụ của Kế hoạch cải cách hành chính trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định.

3. Văn phòng UBND tỉnh

a) Chủ trì, tham mưu thực hiện nội dung cải cách thủ tục hành chính.

b) Phối hợp quản lý, vận hành Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của tỉnh; Hệ thống thông tin báo cáo, thông tin chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh.

4. Sở Tư pháp

a) Chủ trì, tham mưu thực hiện nội dung cải cách thể chế.

b) Chủ trì triển khai nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và công tác tổ chức thi hành pháp luật.

c) Triển khai thực hiện các quy định của Trung ương về đổi mới cơ chế phân bổ, quản lý, sử dụng ngân sách dành cho công tác xây dựng pháp luật đảm bảo nguyên tắc kịp thời, đúng, đủ và gắn với khoán chi theo kết quả, sản phẩm của từng nhiệm vụ, hoạt động.

5. Sở Tài chính

a) Chủ trì, tham mưu thực hiện nội dung cải cách tài chính công.

b) Thực hiện các quy định về phân cấp ngân sách nhà nước; hướng dẫn, đôn đốc và giám sát thực hiện công khai ngân sách nhà nước của các sở, ban, ngành, địa phương.

c) Chủ trì theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai các quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước.

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương liên quan nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế tự chủ tài chính, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập, gắn với lộ trình đổi mới tổ chức và hoạt động đơn vị sự nghiệp công.

e) Tổng hợp đề xuất của các sở, ban, ngành, địa phương để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bố trí dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước theo quy định của

pháp luật về ngân sách nhà nước.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, tham mưu triển khai nội dung xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

b) Chủ trì theo dõi, đôn đốc việc triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh.

c) Chủ trì theo dõi, tham mưu thực hiện hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức triển khai có hiệu quả Nghị định số 263/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc phát triển, quản lý, vận hành Hệ thống thông tin phục vụ hợp và xử lý văn bản của tỉnh; quản trị, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo, thông tin chỉ đạo điều hành của tỉnh.

7. Công an tỉnh

a) Chủ trì, tham mưu triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ; theo dõi, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06. Chịu trách nhiệm phối hợp vận hành, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử trên địa bàn tỉnh; bảo đảm an ninh, an toàn và tính sẵn sàng cao của các hệ thống này phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu liên tục.

b) Triển khai kết nối Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành qua nền tảng điều phối, chia sẻ dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính; bảo đảm an toàn thông tin cho Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá
I	Giai đoạn 2026 - 2027			
1	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	%	≥ 95	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	%	100	Văn phòng UBND tỉnh
3	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử.	%	100	Văn phòng UBND tỉnh
4	Tỷ lệ sở, ngành, địa phương đạt cấp độ 3 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Tỷ lệ sử dụng các nền tảng số quốc gia đã được triển khai và yêu cầu áp dụng tại địa phương	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
II	Giai đoạn 2028 - 2030			
1	Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp.	%	≥ 95	Văn phòng UBND tỉnh
2	Mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư.	%	≥ 90	Văn phòng UBND tỉnh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá
3	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công.	%	90	Văn phòng UBND tỉnh
4	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công.	%	80	Văn phòng UBND tỉnh
5	Tỷ lệ sở, ngành, địa phương đạt cấp độ 4 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu theo lộ trình và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
6	Tỷ lệ cơ quan nhà nước có dữ liệu thuộc danh mục công khai thực hiện cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn.	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
7	Mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước	%	≥ 95	Sở Nội vụ
8	Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế	%	≥ 90	Sở Y tế
9	Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ giáo dục công lập.	%	≥ 90	Sở Giáo dục và Đào tạo

Phụ lục II
CÁC NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 03 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH				
1	Tăng cường thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính, tạo chuyển biến mạnh mẽ, tích cực về nhận thức, hành động và trách nhiệm trong toàn hệ thống chính trị, người dân, doanh nghiệp và xã hội	Sở Nội vụ	Văn phòng UBND tỉnh, các cơ quan Báo, Đài	Chuyên trang, Chuyên mục, Bản tin; Cuộc thi,...	Thường xuyên
2	Tiếp tục đổi mới công tác theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả cải cách hành chính dựa trên dữ liệu trên cơ sở tổ chức triển khai có hiệu quả việc xác định Chỉ số cải cách hành chính các sở, ban, ngành, UBND cấp xã.	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Báo cáo kết quả Chỉ số cải cách hành chính	Hàng năm
3	Tiếp tục triển khai đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Báo cáo kết quả Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính	Hàng năm
4	Tăng cường năng lực đội ngũ công chức thực hiện công tác cải cách hành chính giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Các lớp, hội nghị tập huấn; Tổ chức các đoàn học tập, nghiên cứu về CCHC	Giai đoạn 2026 - 2030
5	Tiếp tục triển khai Đề án “Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030”	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Các nhiệm vụ của Đề án được triển khai	Hàng năm

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
6	Tăng cường kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, bảo đảm chất lượng và tiến độ theo kế hoạch hàng năm; kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và chấn chỉnh, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Các báo cáo kết quả kiểm tra; kết quả xử lý các vấn đề phát hiện.	Thường xuyên
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ				
II.1	Tiếp tục đột phá trong hoàn thiện thể chế trên địa bàn tỉnh, giải phóng mọi nguồn lực cho phát triển; Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền tỉnh về sở hữu và phát triển các thành phần kinh tế, bảo đảm thực chất quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu tài sản và quyền tự do hợp đồng, sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh.				
1	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền tỉnh về sở hữu và phát triển các thành phần kinh tế, bảo đảm thực chất quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu tài sản và quyền tự do hợp đồng, sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Các văn bản QPPL được ban hành	Giai đoạn 2026 - 2030
2	Rà soát, tham mưu hoàn thiện và tổ chức thực hiện hiệu quả các quy định pháp luật; kịp thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế; triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế nhà nước, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý; áp dụng công nghệ tiên tiến, mô hình quản trị hiện đại theo quy định.	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường ¹		Các Đề án, văn bản QPPL được sửa đổi, bổ sung, ban hành mới	Theo Kế hoạch hành động triển khai Nghị quyết số 79-NQ/TW của tỉnh

¹ Theo phân công tại Kế hoạch hành động triển khai Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
3	Triển khai thực hiện Luật Đất đai (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Kế hoạch triển khai; các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện trên địa bàn tỉnh.	Sau khi Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành được sửa đổi, ban hành
4	Triển khai khung hỗ trợ kiến thức, kỹ năng khởi nghiệp, kinh doanh cho học sinh, sinh viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, giảng viên, giáo viên các cơ sở giáo dục; bổ sung, tích hợp vào chương trình đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Văn bản triển khai; các lớp tập huấn, đào tạo; chương trình đào tạo tích hợp	Giai đoạn 2026 - 2030
II.2	Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực và hiệu quả; gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.				
1	Xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể trong xã hội	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sở Tư pháp		Thường xuyên
2	Thực hiện thường xuyên, hiệu quả công tác kiểm tra, xử lý; rà soát, hợp nhất, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sở Tư pháp	Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, xử lý VBQPPL; kết quả hợp nhất, hệ thống hóa VBQPPL	Thường xuyên
3	Đa dạng hóa phương thức truyền thông chính sách, phổ biến, giáo dục pháp luật, nhất là thông qua ứng dụng công nghệ số; ưu tiên những nội dung quan trọng được phát trên khung giờ thu hút đông đảo khán, thính giả trên hệ thống phát	Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai	Sở Tư pháp		Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
	thanh, truyền hình tỉnh				
4	Phát huy vai trò của người dân, doanh nghiệp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong giám sát thi hành pháp luật	Sở Tư pháp	Sở Nội vụ, Mặt trận Tổ quốc VN tỉnh, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp	Các cơ chế, chính sách được ban hành; Các báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên
5	Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tăng cường thực hiện chuyển đổi số công tác này	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai	- Đề án/Kế hoạch chuyển đổi số công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. - Xây dựng các nền tảng/ ứng dụng phổ biến, giáo dục pháp luật hiện đại.	Giai đoạn 2026 - 2030
6	Triển khai thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành về phê duyệt Đề án “Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật giai đoạn 2026 - 2031” theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Kế hoạch triển khai, các văn bản hướng dẫn thực hiện, các báo cáo theo quy định	Sau khi Đề án được phê duyệt
7	Thực hiện hiệu quả công tác đánh giá xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Sở Tư pháp	UBND các xã, phường	Văn bản hướng dẫn Kế hoạch thực hiện hàng năm.	Giai đoạn 2026 - 2030
II.3	Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền tỉnh theo hướng khoa học, hiện đại, chuyên nghiệp; tăng cường tham vấn ý kiến chuyên gia, tổ chức và người dân, bảo đảm văn bản minh bạch, nhất quán, ổn định và có tính dự báo cao.				

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
1	Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền tỉnh theo hướng khoa học, hiện đại, chuyên nghiệp; tăng cường tham vấn ý kiến chuyên gia, tổ chức và người dân, bảo đảm văn bản minh bạch, nhất quán, ổn định và có tính dự báo cao	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	- Đề xuất đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền tỉnh. - Hướng dẫn, quy trình tham vấn chính sách và đánh giá tác động hoàn thiện.	Thường xuyên
2	Triển khai thực hiện Đề án thực hiện soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật tập trung, chuyên nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Kế hoạch triển khai, các văn bản hướng dẫn thực hiện, các báo cáo theo quy định	Sau khi Đề án được ban hành
3	Triển khai thực hiện Đề án ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác xây dựng, kiểm tra và rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Kế hoạch triển khai, các văn bản hướng dẫn thực hiện, các báo cáo theo quy định	Sau khi Đề án được ban hành
4	Thực hiện nghiêm trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sở Tư pháp		Thường xuyên
5	Thu hút, tiếp nhận chuyên gia, nhà khoa học pháp lý, luật gia, luật sư giỏi vào khu vực công	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sở Nội vụ, Sở Tư pháp	Chuyên gia, nhà khoa học pháp lý, luật gia, luật sư giỏi được thu hút, tiếp nhận	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH				
III.1	Cải cách quy định thủ tục hành chính				
1	Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định thủ tục hành chính trong quá trình xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, nhất là các thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp, bảo đảm thủ tục hành chính mới ban hành phải thực sự cần thiết và đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp	Các kết quả thẩm định, đánh giá tác động TTHC	Thường xuyên
2	Rà soát, phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết hoặc mâu thuẫn, chồng chéo hoặc quy định chung chung, không rõ ràng. Kịp thời sửa đổi, bổ sung các văn bản để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	- Các quyết định phê duyệt; - Các văn bản QPPL được sửa đổi, bổ sung để thực thi.	Thường xuyên
3	Tổ chức triển khai có hiệu quả việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu theo quy định tại Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 và các quy định khác có liên quan	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Các nhiệm vụ được triển khai đúng tiến độ	Giai đoạn 2026 - 2030
III.2	Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công				
1	Triển khai sử dụng Hệ thống điều phối giải quyết thủ tục hành chính (cấu phần của Cổng Dịch vụ công quốc gia)	Văn phòng UBND tỉnh	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở, ban, ngành; UBND các xã,	Hoàn thành, khai thác sử dụng.	Theo lộ trình của Bộ Công an

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
			phường		
2	Phối hợp mở rộng hạ tầng, tiện ích thanh toán điện tử trong cung cấp dịch vụ công; kết nối đồng bộ với các hệ thống tài chính, ngân hàng, trung gian thanh toán	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 2, Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh	Các tiện ích được hoàn thiện, cung cấp	Giai đoạn 2026 - 2030
3	Tiếp tục thực hiện các quy định pháp luật và triển khai có hiệu quả việc thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Các quy định được ban hành; vướng mắc được tháo gỡ.	Giai đoạn 2026 - 2030
4	Thực hiện việc số hóa, cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác dữ liệu hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh; Công an tỉnh	Các dữ liệu được số hóa, cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời.	Thường xuyên
5	Rà soát, hoàn thiện các quy định để nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; bảo đảm công khai, minh bạch, tối ưu hóa quy trình, nâng cao năng suất lao động, hiệu lực, hiệu quả quản lý, nâng cao sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh		Thường xuyên
6	Tăng cường kiểm tra trách nhiệm thực hiện công vụ của công chức trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sở Nội vụ; Văn phòng UBND tỉnh	Báo cáo kết quả kiểm tra	Theo kế hoạch hàng năm hoặc đột xuất
7	Thực hiện rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước và trong từng cơ quan hành chính nhà nước	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Số liệu TTHC được cắt giảm, đơn giản hóa	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
8	Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong thực hiện thủ tục hành chính, gắn với phân bổ nguồn lực, đề cao trách nhiệm thực thi của các cấp, các ngành theo hướng giảm việc giải quyết thủ tục của các cơ quan Trung ương “ <i>Cấp nào sát cơ sở, sát nhân dân nhất thì giao cấp đó giải quyết, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây những nhiễu, tiêu cực</i> ”	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành	Giai đoạn 2026-2030
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY				
1	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của các sở, ban ngành. Rà soát, sắp xếp tinh gọn các đầu mối tổ chức bên trong của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, bảo đảm tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.	Các sở, ban, ngành	Sở Nội vụ	Quyết định của UBND tỉnh	Thường xuyên
2	Rà soát, sắp xếp tinh gọn các đầu mối tổ chức bên trong của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường theo hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương	UBND các xã, phường	Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành; cơ quan có liên quan	Các Quyết định	Thường xuyên
3	Hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy định pháp luật thuộc thẩm quyền tỉnh, giải quyết triệt để các vướng mắc phát sinh để vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp thông suốt, hiệu quả	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường (<i>đối với các ngành, lĩnh vực thuộc phạm quản lý</i>)	Sở Nội vụ	Các văn bản quy phạm pháp luật	Năm 2026
4	Sơ kết việc triển khai vận hành mô hình tổ chức chính quyền	Sở Nội vụ	Các sở, ban,	Báo cáo sơ kết	Năm 2027

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
	địa phương 02 cấp		ngành, cơ quan có liên quan		
5	Tiếp tục triển khai thực hiện các quy định phân cấp, phân quyền giữa người đứng đầu sở, ngành với UBND xã, phường; giữa các cấp chính quyền địa phương theo hướng <i>"Trung ương tăng cường quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đồng bộ, thống nhất, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường kiểm tra, giám sát; địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm"</i>	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sở Nội vụ; Sở Tư pháp	Các văn bản quy phạm pháp luật	Giai đoạn 2026 - 2030
6	Triển khai sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức bên trong hệ thống hành chính nhà nước, bảo đảm các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương sau sắp xếp được vận hành và hoạt động thông suốt, hiệu lực, hiệu quả	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sở Nội vụ; Sở Tài chính.	Số lượng cơ quan, đơn vị được sắp xếp	Giai đoạn 2026 - 2030
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ				
1	Triển khai thực hiện quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện	Năm 2027
2	Triển khai thực hiện các quy định về Cải cách chế độ tiền lương, tiền thưởng và đa dạng chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, công chức, viên chức	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện	Năm 2026
3	Xây dựng cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức và nhân tài của tỉnh, kết nối, đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia khi được triển khai	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính.	Báo cáo nghiên cứu, đề xuất	Theo lộ trình được cấp có thẩm quyền

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
					giao
4	Trên cơ sở quy định của Trung ương, triển khai thực hiện việc đổi mới chương trình, tài liệu, phương pháp bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức từ tiếp cận theo nội dung sang tiếp cận theo vị trí việc làm và khung năng lực của vị trí việc làm.	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Văn bản triển khai/ Chương trình, tài liệu	Giai đoạn 2026 - 2030
5	Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ cơ bản, phục vụ chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ		Giai đoạn 2026 - 2030
6	Triển khai Nghị định về kiểm soát tài sản của người có chức vụ, quyền hạn (thay thế Nghị định số 130/2020/NĐ-CP)	Thanh tra tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện	Sau khi Nghị định được ban hành
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG				
1	Tổ chức triển khai có hiệu quả các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công đã được Chính phủ quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025, Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 và các quy định có liên quan; nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng tài sản công, góp phần phòng, chống thất thoát, lãng phí. Tiếp tục thực hiện việc rà soát, bố trí, sắp xếp, xử lý trụ sở, nhà, đất và tài sản công sau sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính theo lộ trình, bảo đảm đúng quy định, phù hợp với quy hoạch, nhu cầu sử dụng và tình hình thực tế của địa phương,	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sở Tài chính	Các văn bản, báo cáo; các văn bản đơn đốc, kiểm tra	Giai đoạn 2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
	phát huy hiệu quả nguồn lực tài sản công.				
2	Rà soát, bố trí đủ kinh phí phục vụ số hóa tài liệu, đầu tư trang thiết bị, cải tạo cơ sở vật chất, đặc biệt ưu tiên các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa và những nơi hợp nhất, sáp nhập, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sở Tài chính	Kinh phí được bố trí đủ; Cơ sở vật chất được nâng cấp, trang bị	Thường xuyên
3	Triển khai hướng dẫn lập dự toán chi phí các hoạt động liên quan đến chuyển đổi số, làm căn cứ để các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành có liên quan	Văn bản triển khai hướng dẫn	Sau khi Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành hướng dẫn chi tiết
4	Thực hiện quy định về danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí làm cơ sở cho việc ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sở Tài chính	Đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.	Tiếp tục triển khai giai đoạn 2026 - 2030
5	Đề xuất, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền cơ chế, chính sách tạo điều kiện đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, nhất là y tế, giáo dục và đào tạo,...	Các sở, ban, ngành liên quan.	Sở Tài chính	Báo cáo kiến nghị đề xuất, các chính sách được ban hành.	Giai đoạn 2026 - 2030
6	Chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện sang mô hình doanh nghiệp; tự chủ hoàn toàn cả về chi đầu tư, chi thường xuyên	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sở Tài chính; Sở Nội vụ.	Phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền	Tiếp tục triển khai giai đoạn 2026 - 2030
VII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ				

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
VII.1	Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý				
1	Ban hành kế hoạch và văn bản triển khai thực hiện các quy định của pháp luật theo hướng dẫn của Trung ương liên quan Luật Chuyển đổi số, Luật Trí tuệ nhân tạo, Luật An ninh mạng.	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Các Kế hoạch, văn bản thực hiện Luật và hướng dẫn thi hành Luật	Sau khi Trung ương ban hành văn bản QPPL
2	Tổ chức triển khai Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số đến năm 2035, định hướng đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Quyết định, Kế hoạch của Chủ tịch UBND tỉnh	Sau khi Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số ban hành
3	Tổ chức triển khai Chiến lược dữ liệu quốc gia	Công an tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Quyết định, Kế hoạch của Chủ tịch UBND tỉnh	Sau khi Chiến lược dữ liệu quốc gia ban hành
4	Tổ chức triển khai Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Kế hoạch của Chủ tịch UBND tỉnh	Sau khi Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số ban hành
5	Tổ chức triển khai Chiến lược/Định hướng phát triển ngoại giao số của Việt Nam giai đoạn đến năm 2030	Sở Ngoại vụ	Các sở, ban, ngành; cơ quan liên quan	Kế hoạch của Chủ tịch UBND tỉnh	Sau khi Chiến lược/Định hướng phát triển ngoại giao số được ban hành
6	Triển khai các Đề án đô thị thông minh	Sở Xây dựng	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và	Đề án	Khi được Trung ương

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
			Công và các sở, ban, ngành có liên quan		giao thực hiện
VII.2	Phát triển dữ liệu số, ứng dụng, nền tảng số và hạ tầng phục vụ cho phát triển Chính quyền số				
1	Phối hợp xây dựng, nâng cấp, đưa vào khai thác sử dụng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung; xây dựng, hoàn thiện và vận hành đồng bộ hạ tầng dữ liệu số của tỉnh	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh	Hoàn thành các CSDL tỉnh; Các CSDL dùng chung của các bộ, ngành	Theo lộ trình của từng CSDL đã được phê duyệt
2	Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Hoàn thành, khai thác sử dụng	Thường xuyên
3	Tổ chức triển khai Chiến lược dữ liệu quốc gia trên địa bàn tỉnh, bảo đảm phù hợp với Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung	Công an tỉnh	Công an tỉnh, Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Kế hoạch triển khai Chiến lược theo yêu cầu	Giai đoạn 2026 - 2030
4	Kết nối, khai thác và sử dụng hiệu quả Trung tâm Dữ liệu quốc gia và nền tảng điện toán đám mây thống nhất theo lộ trình của Trung ương	Công an tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Khai thác Hệ thống hiệu quả, vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Giai đoạn 2026 - 2030
5	Triển khai Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số (EMC)	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Văn bản triển khai	Sau khi Hệ thống được hoàn thiện và hoạt động, thực hiện theo lộ

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
					trình Trung ương
6	Triển khai Hệ thống xác thực, xác nhận dữ liệu quốc gia	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn bản triển khai	Sau khi Công xác thực, xác nhận quốc gia tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia được hoàn thiện đưa vào hoạt động, theo lộ trình Trung ương
7	Triển khai thực hiện Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu lớn về pháp luật	Sở Tư pháp	Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch, văn bản được triển khai	Sau khi Đề án được ban hành
8	Triển khai sử dụng Trục liên thông văn bản quốc gia đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Hoàn thành, khai thác sử dụng.	Giai đoạn 2026 - 2030
9	Triển khai sử dụng Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ, phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Hoàn thành, khai thác sử dụng.	Giai đoạn 2026 - 2030
10	Triển khai Đề án nâng cao năng lực số cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Kế hoạch, văn bản được triển khai	Sau khi Đề án được ban hành